

Số: 2307/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 18 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án sử dụng đất  
của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 165/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 6 năm 2026 về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án sử dụng đất của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú với các nội dung chính như sau:

1. Công nhận kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất:

Tổng diện tích đất do Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú đang quản lý, sử dụng: 17.822,12 ha, trong đó:

a) Phân theo mục đích sử dụng đất:

- Nhóm đất nông nghiệp: 17.715,89 ha. Trong đó: Đất rừng phòng hộ 14.515,19 ha; Đất rừng sản xuất 2.519,16 ha (trong đó đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên 479,39 ha); Đất trồng cây lâu năm 651,03 ha; Đất trồng cây hàng năm khác 30,51 ha;

- Nhóm đất phi nông nghiệp: 106,23 ha. Trong đó: đất xây dựng công trình sự nghiệp 6,43 ha; đất nghĩa trang, nghĩa địa 0,58 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 27,82 ha; Đất giao thông 28,91 ha; Đất sông, suối 42,49 ha.

b) Phân theo tình hình quản lý sử dụng đất:

- Diện tích đất sử dụng đúng mục đích: 15.192,70 ha. Trong đó:

+ Nhóm đất nông nghiệp: 15.104,49 ha. Trong đó, đất rừng phòng hộ 13.682,66 ha; Đất rừng sản xuất 1.196,67 ha (trong đó đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên 471,67 ha); Đất trồng cây lâu năm 212,57 ha; Đất trồng cây hàng năm khác 12,59 ha;

+ Nhóm đất phi nông nghiệp: 88,21 ha. Trong đó: đất xây dựng công trình sự nghiệp 6,43 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 10,38 ha; Đất giao thông 28,91 ha; Đất sông, suối 42,49 ha.

- Diện tích đất đang giao khoán: 2.600,96 ha. Trong đó:

+ Nhóm đất nông nghiệp: 2.583,52 ha. Trong đó, đất rừng phòng hộ 832,53 ha; Đất rừng sản xuất 1.294,61 ha (trong đó đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên 7,72 ha); Đất trồng cây lâu năm 438,46 ha; Đất trồng cây hàng năm khác 17,92 ha;

+ Nhóm đất phi nông nghiệp: 17,44 ha. Toàn bộ diện tích là đất có mặt nước chuyên dùng.

- Diện tích đất tranh chấp, lấn, chiếm: 27,88 ha. Toàn bộ diện tích là đất rừng sản xuất là rừng trồng.

+ Nhóm đất nông nghiệp: 0,34 ha, gồm: đất rừng phòng hộ: 0,29 ha, đất trồng cây lâu năm: 0,05 ha.

+ Nhóm đất phi nông nghiệp: không có.

- Diện tích không sử dụng: 0,58 ha. Toàn bộ diện tích là đất nghĩa trang, nghĩa địa.

c) Phân theo xã, phường:

- Xã Định Quán: 13.388,95 ha;

- Xã Nam Cát Tiên: 3.825,54;

- Xã Phú Lâm: 0,17 ha;

- Xã Tà Lài: 467,96 ha;

- Phường Tân Phú: 139,50 ha.

2. Phê duyệt phương án sử dụng đất:

- Tổng diện tích giữ lại: 17.792,80 ha. Nhóm đất nông nghiệp: 17.709,91 ha, nhóm đất phi nông nghiệp: 82,89 ha. Cụ thể:



+ Nhóm đất nông nghiệp: Đất rừng phòng hộ: 15.037,64 ha, thuộc địa bàn xã Định Quán 11.957,51 ha, xã Nam Cát Tiên 2.477,70 ha, xã Tà Lài 466,96 ha và phường Tân Phú 135,47 ha. Đất rừng sản xuất 2.672,27 ha, thuộc địa bàn phường Tân Phú: 4,03 ha, xã Phú Lâm 0,17 ha, xã Nam Cát Tiên 1.288,90 ha và xã Định Quán 1.379,17 ha; Trong đó, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên 474,34 ha, thuộc địa bàn xã Định Quán 454,14 ha, xã Nam Cát Tiên 16,17 ha và phường Tân Phú 4,03 ha;

+ Nhóm đất phi nông nghiệp: 82,89 ha. Trong đó: đất xây dựng công trình sự nghiệp 6,43 ha, thuộc địa bàn xã Định Quán 5,52 ha và xã Nam Cát Tiên 0,91 ha; Đất có mặt nước chuyên dùng 4,5 ha, thuộc địa bàn xã Định Quán; Đất giao công trình thông 28,88 ha, thuộc địa bàn xã Định Quán 14,59 ha, xã Nam Cát Tiên 13,89 ha và xã Tà Lài 0,40 ha; Đất sông, suối 43,08 ha, thuộc địa bàn xã Định Quán 6,44 ha, xã Nam Cát Tiên 36,62 ha và xã Tà Lài 0,02 ha.

- Diện tích giữ lại theo tình trạng quản lý sử dụng:

+ Diện tích sử dụng đúng mục đích: 15.176,43 ha;

+ Diện tích đang giao khoán: 2.588,49 ha;

+ Diện tích bị lấn, bị chiếm: 27,88 ha

- Tổng diện tích bàn giao địa phương: 29,31 ha.

+ Xã Định Quán 21,21 ha;

+ Xã Nam Cát Tiên 7,53 ha;

+ Xã Tà Lài 0,58 ha.

*(Diện tích, ranh giới đính kèm theo báo cáo thuyết minh do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập và ký ngày 05/6/2026; Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, tỷ lệ 1/15.000 và tỷ lệ 1/20.000 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập và ký ngày 05/6/2026; Bản đồ phương án sử dụng đất tỷ lệ 1/15.000 và tỷ lệ 1/20.000 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập và ký ngày 05/6/2026; Trích lục bản đồ địa chính phường Tân Phú (02 trích lục), xã Nam Cát Tiên (14 trích lục), xã Phú Lâm (01 trích lục), xã Tà Lài (13 trích lục), xã Định Quán (31 trích lục)).*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

### **1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:**

a) Lập thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú đối với phần diện tích đơn vị đề nghị giữ lại; thực hiện thu hồi và chỉnh lý giấy chứng nhận đã cấp (nếu có).

b) Lập thủ tục trình cơ quan thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất bàn giao địa phương quản lý đối với phần diện tích bàn giao địa phương.

c) Cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích giữ lại cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

## 2. Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú:

a) Có kế hoạch khai thác, sử dụng hợp lý đối với diện tích đất Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú đề nghị giữ lại, đảm bảo việc sử dụng đất có hiệu quả và bền vững theo phương án được duyệt; liên hệ với Sở Nông nghiệp và Môi trường để thực hiện các thủ tục về đất đai (*giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...*) theo Phương án sử dụng đất được phê duyệt;

b) Đối với diện tích đất 27,88 ha đất đang tranh chấp, bị lấn, bị chiếm nằm trong tổng diện tích đất Ban Quản lý xác định giữ lại để tiếp tục sử dụng: Chủ động phối hợp cùng chính quyền địa phương xác định thời điểm, thời gian lấn, chiếm, xây dựng... để lập Phương án xử lý dứt điểm và đưa đất vào sử dụng đúng mục đích theo quy định;

c) Quản lý chặt chẽ đất đai theo đúng quy định của Nhà nước, thực hiện đúng quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp; bảo vệ rừng, kiểm soát tốt các hoạt động trong ranh giới; tăng cường phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan chức năng để thực hiện tốt quản lý, bảo vệ và phát triển rừng gắn với ổn định dân cư và phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn quản lý;

d) Phối hợp rà soát hiện trạng; cung cấp hồ sơ, tài liệu về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất, ranh giới đất đối với phần diện tích bàn giao về địa phương theo quy định.

## 3. Ủy ban nhân dân phường Tân Phú, các xã: Định Quán, Nam Cát Tiên, Phú Lâm, Tà Lài:

a) Phối hợp với Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú bám sát địa bàn quản lý, tăng cường tìm hiểu, tiếp xúc, đối thoại với từng người dân để nắm chắc tình hình sử dụng đất, đời sống gia đình, có kế hoạch thực hiện tốt công tác dân vận, giúp đỡ người dân kết hợp tuyên truyền, giải thích quy định pháp luật, kịp thời ngăn chặn vi phạm về quản lý bảo vệ rừng, an ninh trật tự, giữ ổn định tình hình trong lâm phận;

b) Phối hợp với Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú trong quá trình xử lý đất đang tranh chấp, bị lấn, bị chiếm theo quy định;

c) Kiểm tra, theo dõi việc quản lý, sử dụng đất và thực hiện Phương án sử dụng của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú theo quy định;

d) Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai, lâm nghiệp, xây dựng,... trên địa bàn; kiểm tra, xử lý nghiêm, dứt điểm các trường hợp vi phạm pháp luật (*nếu có*) theo quy định;

đ) Tiếp nhận, tổ chức quản lý, sử dụng quỹ đất theo đúng quy định pháp luật đối với phần diện tích thu hồi của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú.

**Điều 3.**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các Quyết định gồm: Quyết định số 3947/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công nhận kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ 600 tại các xã Phú An, Nam Cát Tiên, Núi Tượng, Phú Xuân huyện Tân Phú; Quyết định số 2738/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công nhận kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú tại các xã Phú Ngọc, Gia Canh, huyện Định Quán; Quyết định số 4379/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 3947/QĐ-UBND ngày 12/11/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 4380/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 2738/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 2966/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh quyết định công nhận kết quả rà soát, kê khai tình hình sử dụng đất của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai (Phòng Dữ liệu và truyền thông số) đăng Quyết định này lên Cổng Thông tin điện tử thành phố./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND thành phố;
- Lưu: VT, KTN, KTNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Tuấn Anh*  
**Nguyễn Tuấn Anh**

CHỖ ĐÓNG